Dao Phat qua nhan thuc moi - 09

Đạo Phật Qua Nhận Thức Mới

Dao Phat qua nhan thuc moi - 09

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Thạc Đức. "Đạo Phật Qua Nhận Thức Mới". Sài Gòn 1957.

Nguyệt San Phật Học, Louisville, Hoa Kỳ, tái bản lần thứ nhất, 1998

Vấn Đề Nguyên Nhân Đầu Tiên Trong Đạo Phật

Thạc Đức

Vấn đề nguyên nhân đầu tiên là một vấn đề thường làm cho con người ta thắc mắc nhất.

Mỗi khi ngước mắt nhìn vũ trụ, con người thường băn khoăn tự hỏi: " Vũ trụ do đâu mà có? Nguyên nhân đầu tiên của vạn vật là gì? ". Câu hỏi nầy đã được đặt ra từ bao giờ mà đến nay vẫn không có được một câu trả lời nào thỏa đáng. Bao nhiêu trí óc đã từng thắc mắc, băn khoăn đau khổ vì nó. Giá mà câu hỏi kia được giải đáp, có lẽ con người sẽ sung sướng lắm, là dù " buổi mai nghe mà buổi chiều chết " cũng lấy làm thỏa mãn vậy.

Cũng bởi vì nỗi khổ đau thắc mắc ấy của loài người mà các thần giáo ra đời. Mỗi thần giáo chủ trương một vị thần linh tối cao tối đại tạo lập nên trời đất và muôn vật. Đó là Brahma, là Allah, là Jéhovah, là Thượng Đế, là Chúa Trời... Bản thể của các vị chúa tể ấy, loài người không thể hiểu thấu được. Quyền phép tạo lập, cứu vớt và trừng phạt của các vị ấy, trí óc loài người không thể kiểm soát được. Về các vị ấy, người ta không thể dùng lý trí để suy luận, chỉ có thể đem một lòng Tin để thừa nhận mà thôi.

Lòng Tin ấy chính là một sự vỗ về an ủi, một " liều thuốc tê " để con người có thể làm dịu lại trí não đang bị căng thẳng, đang bị khổ đau vì câu hỏi trên kia mà thôi.

Đưa ra một " đấng " tạo hóa để giải quyết vấn đề nguyên lai của vũ trụ, thực ra, cũng giản dị và dễ dàng lắm. Nhưng đó không phải là một lối giải đáp hợp lý. Những kẻ không có đức Tin thì không bao giờ có thể được an ủi một cách quá dễ dàng như vậy. Họ vẫn có thể băn khoăn, điên dại, khổ sở về câu hỏi ác nghiệt kia.

Công nhận một đấng tạo hóa, tức là chận đứng sự hiểu biết của con người lại. Người xưa, khi trông thấy những hiện tượng kỳ bí của vũ trụ, cũng đã ước mong được một lời giải đáp có thể làm thỏa mãn họ. Họ không thể cắt nghĩa được các hiện tượng ấy một cách khoa học, cho nên đã cầu cứu đến những lực lượng siêu nhiên, thần bí. Gió thổi là bởi thần gió đi qua. Nước ngập là bởi thần thủy giận dữ. Nếu khoa học mà chấp nhận lối trả lời đó thì làm sao khoa học có thể tiến lên mà cắt nghĩa bằng thuyết nhân duyên sinh rằng gió là kết qủa của sự chuyển động không khí, rằng lụt là do nước nguồn chảy về quá nhiều?

Tất cả những giải đáp có tính cách mê tín như thế đều là những trở lực lớn lao ngăn cản bước tiến của trí thức nhân loại. Khi đã công nhận rằng đấng tạo hóa đã sinh ra muôn vật, không ai còn có thể tự hỏi rằng nguyên do nào đã tạo ra đấng tạo hóa và đấng tạo hóa nương vào đâu để được phát sinh. Như thế, chính ý niệm về nguyên nhân đầu tiên sẽ làm cho sự tìm hiểu của ta bị chận đứng hoàn toàn, không thể tiến thêm một bước nào nữa.

Đạo Phật chủ trương không có nguyên nhân đầu tiên. Ý niệm về nguyên nhân đầu tiên là một " vọng tưởng điên đảo " do sự cố chấp mê lầm của chúng sinh mà có. Nếu hiểu được giáo lý đạo Phật, ta sẽ thấy câu hỏi " nguyên nhân đầu tiên là gì ?" là một câu hỏi ngớ ngẩn, buồn cười, không đáng làm cho chúng ta thắc mắc.

Trong những bài trước, chúng ta đã thấy rằng, theo đạo Phật; các hiện tượng vũ trụ luôn luôn biến chuyển và sinh diệt, không lúc nào dừng nghỉ. Sự sinh diệt của những hiện tượng ấy được thể hiện trên đường lối nhân duyên (paticca samuppada). Một hiện tượng phát sinh, không những chỉ do một "nhân" tiền hữu, mà còn là do vô số các "duyên" (điều kiện giúp cho sự phát sinh) khác. Các duyên này cũng không phải tự nhiên mà có. Chúng cũng là một "quả" do vô số "duyên" khác tạo nên. Như thế, "một" hiện tượng có liên quan (dù gần dù xa) với "tất cả" các hiện tượng của vũ trụ.

Nói "hiện tượng" đây tức là nói một "dòng hiện tượng". Bởi vì khi nói đến một hiện tượng, ta thường nghĩ đến cả lịch trình phát sinh, trưởng thành, hư hoại, và tan rã (thành, trụ, hoại, không) của hiện tượng ấy. Có thành, trụ, hoại, không tức là có chuyển biến, mà có chuyển biến thì cố nhiên nó không phải là "một" hiện tượng đồng nhất bất biến. "Nó" là một "dòng hiện tượng", bởi vì "nó" của phút sau đã không phải "nó" của phút trước. Với lại, trước khi "nó" (dòng hiện tượng) phát hiện, ta bảo rằng chưa có "nó". Kỳ thực, "nó" đã có muôn ngàn nhân duyên tiền hữu rồi, sở dĩ ta không nhận được "nó" là vì ta không thấy được "nó" bằng cặp mắt thiển cận mà thôi.

Bạn tôi có "ráp" một cái xe đạp ở Saigon từ năm 1945 tại hiệu Dur-Ford, giá 400đ. Cái xe ấy cũ dần, hư dần, bạn tôi đã thay mấy ổ líp, nào niềng, nào lốp, nào vỏ, nào tăm. Bạn tôi lại thay cả tay lái, và vừa rồi, gảy khung xe, bạn tôi liệng vào xó hè, không dùng nữa. Bạn tôi chỉ nó mà bảo tôi: "Đó là chiếc xe tôi mua ở Saigon năm 1945 giá 400đ. đãy" Bạn tôi không ý thức được sự thay đổi của chiếc xe kia và vẫn một mực "đồng nhất" cái xe năm nay với cái xe trước đây 12 năm. Lẽ ra, trong "quá trình" biến chuyển của chiếc xe, bạn tôi phải thấy chiếc xe hôm sau khác với chiếc xe hôm trước, và hơn thế nữa, chiếc xe phút sau khác với chiếc xe phút trước...

Tệ hơn nữa là bạn tôi cho rằng chiếc xe chỉ "có" từ khi bạn tôi mua và "hết có" từ khi nó gảy khung. Bạn tôi không biết rằng chiếc xe đã "có" từ trước khi bạn tôi mua, và hơn nữa, "có" từ vô thỉ, trong các nhân và duyên của nó. Bạn tôi lại cũng không biết rằng cái xe vẫn "có" sau khi nó gảy khung, hư hoại nằm sau xó hè. Nó nằm đó, nằm mãi đó để biến chuyển, để tiếp tục dòng đăng lưu nhân quả của nó, tương quan và tương duyên với vạn vật khác. Con của bạn tôi sẽ tháo một cái chuông lắp vào xe nó, biết đâu. Cháu của bạn tôi sẽ tháo một cái tăm để mài nhọn, làm chiếc dùi đóng sách, biết đâu.

Và biết đâu đống sắt còn lại ấy sẽ "luân hồi" vào trong một dụng cụ khác bằng kim khí ...

Bạn tôi chấp rằng chỉ có một cái xe đồng nhất bất biến, mà kỳ thực, chỉ có một hiện tượng "xe" luôn luôn chuyển biến. Đó là "vọng tưởng" thứ nhất.

Bạn tôi, vì cái ý thức vụ lợi, chỉ cắt xén một giai đoạn của thực tại để mà cho rằng "có", và cho tất cả những giai đoạn trước và giai đoạn sau đều là "không". Cái quan niệm về có và không sai lạc ấy là một "vọng tưởng" thứ hai.

Hai thứ vọng tưởng kia phản chiếu một nhận thức sai lầm chung cho tất cả mọi người.

Muôn vàn hiện tượng có biến chuyển, vì thế có sinh diệt thành hoại, nên ta cảm thấy cái có và cái không của vạn vật. Quan niệm về có và không của chúng ta hoàn toàn do sự sinh diệt của ngàn muôn hiện tượng mà có. Kỳ thực, muôn ngàn hiện tượng chỉ kế tiếp nhau mà phát hiện theo luật tương quan tương duyên, cái có và cái không của chúng chỉ là giả tưởng do trí óc "vọng tưởng" của ta tạo ra mà thôi. Không có gì thêm vào, cũng không có gì bớt đi. "Rien ne se crée, rien ne se perd" câu nói này thật là chí lý. Vậy thì có và không chỉ là những giả tưởng của các hiện tượng sinh diệt. Trí óc ta nhận "có", là khi nào ta thấy được một hiện tượng do nhân duyên cấu hợp; trí óc ta nhận "không" khi ta thấy hiện tượng ấy theo nhân duyên mà tan rã. Cái "có, không" của ta quan niệm, là cái có, không của các đợt sóng, chứ không phải của nước. Muôn ngàn đợt sóng thấp, cao, lớn, bé, đua nhau thành, hoại, có, không; còn nước (bản thể của muôn ngàn đợt sóng ấy) vẫn không bao giờ chịu luật có, không, thành, hoại của các đợt sóng vốn là hiện của mình.

Về mỗi đợt sóng, ta có thể phân biệt đầu đuôi, mất còn, to nhỏ. Những danh từ này chỉ để nói cho sinh diệt của các làn sóng, không thể gán vào cho nước.

Về các hiện tượng, ta phân biệt có thỉ, có chung, có nhân , có duyên, có lớn, có nhỏ. Nhưng những danh từ thỉ chung, nhân duyên, lớn nhỏ ấy không thể gán cho vũ trụ, cho thực tại, cho bản thể. Hiện tượng tuy còn mất sinh diệt, bản thể vẫn bất biến, trường tồn. Hai đầu đòn cân tuy có lên xuống, có chậm mau, có sau trước, nhưng chính bản thân cái đòn cân vẫn là cái đòn cân, không có lên xuống, chậm mau, sau trước gì cả.

Thực tại là cả một cái gì vượt ra khỏi sinh diệt, tồn vong, không có. Thế mà người ta nở nào xem thực tại như là những hiện tượng có sinh diệt, có thỉ chung, và bắt trí óc phải tìm ra " nguyên nhân đầu tiên " của nó.

Trong biển sinh diệt, "một" hiện tượng là nhân cho "tất cả" các hiện tượng khác, và cũng là quả do tất cả mọi hiện tượng khác làm nhân . "Một" do "tất cả" mà thành, "tất cả" đều do "một" mà phát hiện. Trong một có tất cả, trong tất cả có một, lý "nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất" ấy vốn là căn bản của luật nhân duyên tương hợp tương thành.

Trong thế giới tương quan tương duyên nhiệm mầu của hiện tượng, trí óc ta có tật cắt xén, phân chia thành từng cá thể riêng biệt rồi đi tìm một nguyên nhân cho cá thể ấy.

Quan niệm nhân quả một chiều (một nhân một quả) của Aristote ngày xưa đã là sai lạc lắm rồi. Nay muốn ngược dòng nhân quả một chiều ấy để tìm đến nguyên nhân đầu tiên thật không còn gì dại dột và ngây ngô hơn nữa.

Các giả tướng sinh diệt, có không, chung thỉ, hoàn toàn do óc vô minh, vọng tưởng của con người tạo ra cả. Một ngày kia, thể nhập vào Thực Tại , vào cuộc sống muôn đời, ta không còn thấy những giả tướng sinh diệt có không kia nữa. Thực tại là thực tại. Nó không "có" và không "không" như các hiện tượng sinh diệt. Thực tại vượt ra ngoài giả tướng có không. Nếu như thực tại có "có", thì cái "có" ấy chẳng phải là cái "có" của giả tướng nhân duyên. Nếu nó có "không", thì cái "không" ấy cũng chẳng phải là cái "không" của giả tướng nhân duyên. Thực tại không "có" một cách giả tạm như hiện tượng sinh diệt, nên gọi là "diệu hữu"; thực tại không "không" một cách giả tạm như hiện tượng sinh diệt nên gọi là "chân không".

Diệu hữu và chân không là hai danh từ dùng để mô tả thực tại bất biến, bất sinh, bất diệt, vô thỉ, vô chung. Con người khi thể nhập vào lòng thực tại thì bao nhiêu giả tướng sinh, diệt, thành, hoại, thỉ, chung đều tiêu tan cả.

Để làm sáng tỏ nguyên lý này, ta nên lấy một thí dụ:

Một hôm, ta trông thấy một chú bé mủm mỉm dễ thương, tay chân hồng hào nằm ngủ trong nôi. Mười năm sau, ta trở về, trông thấy một cậu bé tay chân cứng cát, chạy nhảy nô đùa và tỏ ra rất láu lĩnh. Ta bảo: "Chà, cậu bé mau lớn làm sao". Trong trí, ta hình dung một cậu bé lúc mới sinh, ta so sánh hình ảnh ấy với hình ảnh bây giờ, ta thấy có biến chuyển, có trước sau, có lớn nhỏ, nghĩa là có thời gian. Cha mẹ của cậu bé thì ít suy tưởng như ta và ít thấy như ta. Họ ở gần cậu bé luôn, và không thấy cậu bé "mau lớn" như ta thấy. Nhưng nếu cố ngồi nhớ lại một vài hình bóng ngày xưa của cậu bé và đem so sánh những hình bóng đó với hình ảnh bây giờ, họ cũng thấy được một ít những biến chuyển, đổi thay. Đến như chính cậu bé ấy thì cậu không hề có cảm tưởng rằng cậu đã lớn, cậu đã biến chuyển hàng năm, hàng ngày, hàng giây phút. Cậu không cảm nhận được sự sinh diệt của các tế bào trong cơ thể cậu. Cậu không có những ý tưởng về sinh diệt, trước sau, lớn nhỏ, biến chuyển hay không biến chuyển; tóm lại, trong snh hoạt bản thân, cậu không có ý thức về không gian và thời gian. Vì sao thế? Vì chính cậu là thực thể, cậu đã " thể nhập vào thực tại ". Nếu cậu tự đối tượng hóa để suy nghiệm, cậu hồi tưởng một vài hình ảnh cũ của bản thân rồi đem so sánh nó với hình ảnh hiện thời của mình, cậu cố ý thức được rằng các tế bào trong cơ thể cậu đang sinh diệt từng giây phút, thì cậu sẽ cảm thấy tất cả những biến chuyển, sinh diệt, thành hoại, thỉ chung, còn mất, nghĩa là cậu sẽ thấy có thời gian và không gian. Chính vì "đối tượng hóa" mình như vậy, nên cậu sinh ra lo sợ, suy nghĩ, bực dọc ... Giá đừng bao giờ cậu "đối tượng hóa" mình cả, thì cậu sẽ suốt đời sống trong an lạc hồn nhiên.

Vậy con người nằm trong thực tại, con người chính là thực tại, là những hiện tượng của thực tại bất sinh bất diệt. Vì vô minh, con người đã "đối tượng hóa" thực tại, cho nên đã lo sợ, buồn vui, thương ghét, đã khổ đau vì những giả tướng sinh diệt, thành hoại, thỉ chung. Và nay con người lại muốn điên đảo thêm, khổ đau khắc khoải thêm, cho nên

mới bôn ba đi tìm cái "bắt đầu" của vũ trụ, cái "nguyên nhân đầu tiên" hư ảo không bao giờ có vậy.

Thạc Đức

[Bài trước] [Mục Lục] [Bài kế]

[Trở về trang Thư Mục]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.